TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2021
V/v trTA chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DTA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bạo và Nguyễn Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị ThTA Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện* kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về "TrTA chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 62/TB-TA ngày 25/8/2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 62/TB-TA ngày 06/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ST. Địa chỉ: số X, đường Y, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phan Minh N, chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: Số Z, đương T, quận R, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP ST và giấy ủy quyền số 813/2021/UQ-TTT ngày 14/7/2021 của Phó Giám đốc Trung tâm thẻ). *Có mặt*

Bị đơn: Ông Lưu TA, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Số D, đường Q, phường L, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ngày 19/06/2012, ông Lưu TA và Ngân hàng TMCP ST (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 16.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.5%/ tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông TA đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 15.500.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến ngày vi phạm hợp đồng, ôngTA đã thTA toán cho Ngân hàng số tiền 20.800.000 đồng. Số tiền ông TA nợ đến ngày 22/03/2016 được tính như sau:

Dư nợ ngày 22/03/2016 = Số tiền giao dịch – (Số tiền thTA toán – Phí, lãi)

Trong đó:

Số tiền giao dịch: 15.500.000 đồng.

Số tiền thTA toán: 29.800.000 đồng.

Tổng các khoản phí: 3.714.097 đồng.

Tổng tiền lãi: 16.971.231 đồng.

Dư nợ ngày 22/03/2016 = 15.500.000 – (20.800.000 – 3.714.097 – 16.971.231) = 15,385,328 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông TA vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông TA vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/03/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông TA còn thiếu tại thời điểm này số tiền là 15.385.328 đồng sang Nợ quá hạn, Ngân hàng xin được gọi là Nợ gốc (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.75%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngân hàng chỉ yêu cầu ông TA có trách nhiệm thanhtoán khoản nợ trên cho Ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Kể từ thời điểm vi phạm tới nay, ông TA đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.000.000 đồng.

Tính đến ngày 15/07/2021, Ông TA còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 6.385.328 đồng.

Lãi quá hạn : 23.997.194 đồng.

Tổng cộng : 30.382.522 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông TA, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông TA vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng chúng tôi khởi kiện yêu cầu cầu ông Lưu TA phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền **30.382.522 đồng**, trong đó: Nợ gốc : 6.385.328

đồng; Lãi quá hạn : 23.997.194 đồng (tạm tính đến ngày 29/9/2021). ông TA phải có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

** Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Lưu TA vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lưu TA không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP STvề việc buộc ông Lưu TA trả cho ngân hàng số tiền là **30.382.522 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 6.385.328 đồng; Lãi quá hạn: 23.997.194 đồng (tạm tính đến ngày 29/9/2021). Ông TA phải có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2021 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng và bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai đối với bị đơn là ông Lưu TA nhưng ông TA vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[3] Xét yêu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 6.385.328đ thì thấy:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/6/2012 ký kết giữa Ngân hàng TMCP ST với ông Lưu TA đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Theo văn bản trên đây, Ngân hàng TMCP ST đã phê duyệt cho ông Lưu TA hạn mức tín dụng là 16.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ngày 08/7/2012 và ngày 16/7/2012 ông Lưu TA đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.500.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến ngày 22/3/2016, ông TA đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 20.800.000đ đồng, trong đó tiền gốc là 114.672 đồng, các khoản phí là 3.714.097 đồng và tiền lãi là 16.971.231 đồng. Ngày 22/3/2018, ông TA thanh toán được 9.000.000 đồng tiền gốc. Từ đó đến nay, ông TA vẫn còn vi phạm phương thức trả nợ gốc mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng nói trên. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 6.385.328đ hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn 23.997.194 đồng, thấy rằng:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Lưu TA trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2021 là 23.997.194 đồng; cụ thể:

- Tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc 15.385.328 đồng tính từ ngày 23/3/2016 đến ngày 22/02/2018 là 13.501.311 đồng.

- Tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc 6.385.328 đồng từ ngày 23/02/2018 đến ngày 29/9/2021 là 10.495.883 đồng.

Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là hoàn toàn phù hợp. Xét mức lãi suất trong hạn mà ngân hàng đã áp dụng là 2.5%/tháng và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 3.75%/tháng hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của ngân hàng.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc ông Lưu TA phải trả cho Ngân hàng TMCP ST tổng số tiền 30.382.522 đồng (Ba mươi triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 6.385.328 đồng; Lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2021: 23.997.194 đồng.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí cụ thể ông TA phải chịu: 30.382.522 đồng x 5% = 1.519.126 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" của Ngân hàng TMCP ST đối với ông Lưu TA.

Xử:

Buộc ông Lưu TA trả cho Ngân hàng TMCP ST số tiền là 30.382.522 đồng (Ba mươi triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng), trong đó: Nợ gốc: 6.385.328 đồng; Lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2021: 23.997.194 đồng.

Ông Lưu TA tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2021 trên nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/6/2012 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Buộc ông Lưu TA phải chịu 1.519.126đ (Một triệu, năm trăm mười chín nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ST số tiền tạm ứng án phí 626.064 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007153 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**